

Bản án số: 335/2025/DS-PT
Ngày: 21 - 4 - 2025
V/v Tranh chấp về thừa kế tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Nhựt Bình

Các Thẩm phán:

Ông Phan Văn Yên

Bà Hồ Thị Thanh Thúy

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Phú Cường - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Lê Công Thành - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 21 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 522/2023/TLPT-DS ngày 05 tháng 10 năm 2023 về “Tranh chấp về thừa kế tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2019/DS-ST ngày 13/5/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 2345/2025/QĐPT-DS ngày 21 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Huỳnh Kim H, sinh năm 1950 (đã chết năm 2023);

Địa chỉ: A R, M city, TX. 77489.USA;

Tạm trú: Số 22/110 Hẻm D, Cánh M, Khóm A, Phường A, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn:

1. Ông Huỳnh Thanh H1, sinh năm 1973 (vắng mặt);

2. Ông Huỳnh Thanh H2, sinh năm 1974 (vắng mặt);

3. Bà Huỳnh Thị Hoàng O, sinh năm 1975 (vắng mặt);

4. Ông Huỳnh Thanh H3, sinh năm 1980 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: CURRENT RESIDENCE 55234 PINE STREET
HOUSTON TEXAS 77081, USA

- *Bị đơn:*

1. Bà Huỳnh Thị C, sinh năm 1938 (vắng mặt);
2. Ông Lâm Minh Q, sinh năm 1926 (vắng mặt);

Cùng trú số A V, Khóm H, Phường C, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

Đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Lâm Văn L, sinh năm 1966 (có mặt)

Địa chỉ: 1 đường C tháng B, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Huỳnh Thị T, sinh năm 1937 (vắng mặt);

Địa chỉ: B Liberty Grove W, A, S;

2. Bà Huỳnh Tiểu M (S1), sinh năm 1956 (vắng mặt);

Địa chỉ: B H, S, T. USA;

3. Ông Huỳnh Văn S (Sonny H4), sinh năm 1957 (vắng mặt);

Địa chỉ: A B, F, C. USA;

4. Bà Huỳnh Thị Kim N (Nguyệt T), sinh năm 1959 (có mặt);

Địa chỉ: A R, M city, TX. 77489.USA;

5. Ông Huỳnh Kim H5, sinh năm 1964 (vắng mặt);

Địa chỉ: G S, H, T. 77071. USA;

Địa chỉ mới: 16314 R, M, TX.77489, USA;

Người đại diện hợp pháp của các ông bà Huỳnh Thị T, Huỳnh Tiểu M, Huỳnh Văn S, Huỳnh Thị Kim N và Huỳnh Kim H5: Ông Nguyễn Hòa N1, sinh năm 1963 (có mặt)

Địa chỉ: 4 Hương lộ B, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các ông bà Huỳnh Thị T, Huỳnh Tiểu M, Huỳnh Văn S, Huỳnh Thị Kim N và Huỳnh Kim H5: Luật sư Lê Hải L1 – thuộc Đoàn Luật sư tỉnh B (có mặt)

Địa chỉ: 179/4 Nguyễn Đình Chiểu, khóm 2, Phường 7, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu

6. Bà Lâm Mỹ A, sinh năm 1976 (có mặt);

Trú tại: A V, Khóm H, Phường C, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

7. Bà Lâm Mỹ H6, sinh năm 1960 (vắng mặt);

Trú tại: 1 L, Khóm B, Phường A, thành phố C, tỉnh Cà Mau;

8. Bà Lâm Mỹ N2, sinh năm 1972 (vắng mặt);

9. Bà Lâm Mỹ H7, sinh năm 1966 (vắng mặt);

10. Ông Lâm Văn K, sinh năm 1965 (có mặt);

11. Ông Lâm Văn H8, sinh năm 1978 (có mặt);

12. Bà Dương Thị P, sinh năm 1977 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Ấp N, xã T, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu;

13. Ông Lâm Văn L, sinh năm 1966 (có mặt);

Địa chỉ: 1 đường C, Phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh;

14. Ông Lâm Văn T1 (T3), sinh năm 1962 (vắng mặt);

Địa chỉ: 7 Xóm Đ, Phường H, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh;

15. Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên H11;

Trụ sở: 7 Xóm Đ, Phường H, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện hợp pháp của Công ty TNHH MTV H11: Ông Lâm Văn T1 (Them) – Giám đốc Công ty (vắng mặt);

16. Ngân hàng Thương mại Cổ phần B;

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Thu H9 và Nguyễn Thị Trúc P1; Cùng địa chỉ: B N, phường Đ, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt)

Trụ sở chính: 109 T, phường C, H, Hà Nội;

17. Ủy ban nhân dân tỉnh B – Có đơn xin vắng mặt;

Trụ sở: E N, Phường A, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện hợp pháp của Ủy ban nhân dân tỉnh B: Ông Nguyễn Hữu D (xin vắng mặt).

18. Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu (xin vắng mặt)

Trụ sở: 20 T, Phường C, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn ông Huỳnh Kim H; Bị đơn bà Huỳnh Thị C và ông Lâm Minh Q; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Huỳnh Thị T, Huỳnh Tiểu M, Huỳnh Văn S, Huỳnh Thị Kim N và Huỳnh Kim H5;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 04/02/2013 và lời khai tiếp theo của nguyên đơn đồng thời là người đại diện cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Huỳnh Thị T, Huỳnh Tiểu M, Huỳnh Văn S, Huỳnh Thị Kim N và Huỳnh Kim H5 trình bày:

Nguồn gốc các tài sản ông Huỳnh Kim H có yêu cầu chia thừa kế là của cụ Huỳnh Văn T2 và cụ Trần Thị G tạo lập sử dụng từ năm 1965 đến năm 1975 thì Nhà nước trưng thu theo hình thức ký nợ. Năm 1979, cụ T2, cụ G và các ông bà H, T, M, S, N, H5 định cư ở Mỹ, chỉ còn lại bà C và chồng bà C là ông Q ở lại Việt Nam.

Ông H yêu cầu chia thừa kế di sản của cụ T2 và cụ G để lại thành 07 phần bằng nhau cho 07 người gồm C, H, T, M, S, N, Hóa các tài sản sau:

1. Diện tích 12.551 m² sau khi trừ diện tích Ủy ban nhân dân bồi thường, còn lại bà C đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 8.498 m².
2. Tiền lúa Nhà nước trả cho cụ T2, cụ G do bà C và ông Q nhận 3.366.000.000 đồng.
3. Số tiền 6.580.500.000 đồng tiền bồi thường đất tại công thoát nước Ủy ban nhân dân trả bà C và ông Q nhận.
4. Số tiền 3.993.000.000 đồng do Nhà nước trả theo Quyết định số 44.
5. Số tiền 7.224.223.723 đồng do Nhà nước trả theo Quyết định số 10 (Kho bạc đang quản lý số tiền này).
6. Hủy tất cả các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bà C và 08 con của bà C cùng những người liên quan.

Ông H yêu cầu được nhận đất đối với phần đất hiện tại bà C được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, cũng như phần bà C đã chia cho các con của bà C; đối với phần tiền bồi thường thì yêu cầu được chia bằng tiền.

Bị đơn bà Huỳnh Thị C và ông Lâm Minh Q trình bày:

Năm 1976 trước khi đi Mỹ, cụ T2 đã ủy quyền 70% cổ phần nhà máy cho ông Q và bà C; phần còn lại 30% là của ông Q và bà C. Năm 1976, tỉnh Minh Hải mượn nhà máy 02 tháng, lúc này cụ T2 còn ở Việt Nam nhưng do đã ủy quyền nên cụ T2 không ký giấy cho mượn mà ông Q và bà C ký. Ngày 26/11/1996 có Quyết định trả nhà máy cho ông Q, bà C. Khi Nhà nước trả thì nhà máy không còn hoạt động được.

Phần đất 12.551 m² là của cụ T2, cụ G tạo lập trong đó ông Q, bà C hùn 30%. Năm 2001 Nhà nước chỉ trả 8.498 m² bà C được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2002, phần còn lại đến nay Nhà nước chưa trả.

Ông Q, bà C xác định cụ T2 và cụ G chết không để lại di sản và thời hiệu khởi kiện đã hết nên không đồng ý chia theo yêu cầu của ông H.

Quá trình thu thập chứng cứ của Tòa án thể hiện: Năm 2016, bà C đã cho các con của bà C là Lâm Mỹ A, Lâm Mỹ H6, Lâm Mỹ N2, Lâm Mỹ H7, Lâm Văn H8, Lâm Văn K, Lâm Văn T1 và Lâm Văn L thừa 19, diện tích 3.302,5 m² do bà C đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lâm Mỹ A, Lâm Mỹ H6, Lâm Mỹ N2, Lâm Mỹ H7, Lâm Văn H8, Lâm Văn K, Lâm Văn L và Dương Thị P: Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng không đến, không nhận văn bản tố tụng và không có bản khai ý kiến.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lâm Văn T1 (T) trình bày: Ông được cha mẹ cho thừa 37, diện tích 359 m² tại Phường C, thành phố B và ông đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hợp pháp nên ông không đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Phần đất này ông đang thế chấp cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần B, chi nhánh C1.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần B trình bày: Ngày 28/6/2018 Ngân hàng nhận thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất số 37, diện tích 359 m² để cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên H11 do ông T1 là Giám đốc vay 01 tỷ đồng. Ngân hàng yêu cầu Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên H11 trả 1.049.541.824 đồng và xử lý tài sản thế chấp.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên H11 không nhận văn bản tố tụng và không có ý kiến vì Tòa án đã làm việc với Giám đốc Công ty (ông T1).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân tỉnh B và Ủy ban nhân dân thành phố B đều trình bày: Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại Quyết định số 20/2016/QĐST-DS ngày 18/3/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu đã căn cứ điểm h khoản 1 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ giải quyết vụ án do hết thời hiệu khởi kiện.

Ông Huỳnh Kim H kháng cáo.

Tại Quyết định số 242/2016/QĐPT-DS ngày 29/9/2016 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã căn cứ khoản 3 Điều 375 Bộ luật tố tụng dân sự hủy Quyết định số 20/2016/QĐST-DS ngày 18/3/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm tiếp tục giải quyết vụ án.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2019/DS-ST ngày 13/5/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu đã quyết định:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Kim H về việc tranh chấp về thừa kế tài sản.

1.1. Các ông bà: Huỳnh Kim H, Huỳnh Thị T, Huỳnh Tiêu M, Huỳnh Văn S, Huỳnh Thị Kim N và Huỳnh Kim H5 mỗi người được chia di sản thừa kế số tiền 1.967.009.900 đồng (Một tỷ chín trăm sáu mươi bảy triệu không trăm lẻ chín nghìn chín trăm đồng).

1.2. Bà Huỳnh Thị C được chia di sản thừa kế số tiền 3.934.019.800 đồng (*Ba tỷ chín trăm ba mươi bốn triệu không trăm mười chín nghìn tám trăm đồng*), bà C đã nhận xong. Bà Huỳnh Thị C, ông Lâm Minh Q được quyền quản lý sử dụng tài sản giá trị 29.224.147.093 đồng (*Hai mươi chín tỷ hai trăm hai mươi bốn triệu một trăm bốn mươi bảy nghìn không trăm chín mươi ba đồng*), bao gồm cả giá trị các phần diện tích đất mà bà C và ông Q đã chuyển quyền sử dụng đất cho các con và phần tiền bồi thường bà C đã nhận.

1.3. Bà Huỳnh Thị C và ông Lâm Minh Q tiếp tục quản lý, sử dụng diện tích đất bà Huỳnh Thị C đang đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 192493, số vào sổ CH 00015, diện tích 2.372,6 m² và số BA 192495, số vào sổ CH 00017, diện tích 605,2 m² do Ủy ban nhân dân thị xã (nay là thành phố) Bạc Liêu cấp cùng ngày 05/01/2010.

1.4. Các con của bà C, ông Q tiếp tục quản lý, sử dụng phần đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, cụ thể: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CD 858613, diện tích 375,8 m² cấp cho Lâm Mỹ H6; số CD 858614, diện tích 364,8 m² cấp cho Lâm Văn L; số CD 858615, diện tích 353,8 m² cấp cho Lâm Mỹ H7; số CD 858616, diện tích 436,9 m² cấp cho Lâm Văn H8; số CD 858617, diện tích 398,2 m² cấp cho Lâm Mỹ A; số CD 858618 (được cấp đổi lại số CO 549316), diện tích 359 m² cấp cho Lâm Văn T1; số CD 858619, diện tích 343,1 m² cấp cho Lâm Văn K và số CD 858620, diện tích 670,9 m² cấp cho Lâm Mỹ N2.

1.5. Các ông bà: Huỳnh Kim H, Huỳnh Thị T, Huỳnh Tiểu M, Huỳnh Văn S, Huỳnh Thị Kim N và Huỳnh Kim H5 mỗi người được nhận số tiền 1.168.939.725 đồng (*Số tiền này hiện do Kho bạc Nhà nước tỉnh B quản lý*). Buộc bà Huỳnh Thị C và ông Lâm Minh Q giao cho các ông bà Huỳnh Kim H, Huỳnh Thị T, Huỳnh Tiểu M, Huỳnh Văn S, Huỳnh Thị Kim N và Huỳnh Kim H5 mỗi người 789.070.175 đồng.

2. Không chấp nhận yêu cầu của ông Huỳnh Kim H về việc hủy các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CD 858613, diện tích 375,8 m² cấp cho Lâm Mỹ H6; số CD 858614, diện tích 364,8 m² cấp cho Lâm Văn L; số CD 858615, diện tích 353,8 m² cấp cho Lâm Mỹ H7; số CD 858616, diện tích 436,9 m² cấp cho Lâm Văn H8; số CD 858617, diện tích 398,2 m² cấp cho Lâm Mỹ A; số CD 858618 (được cấp đổi lại số CO 549316), diện tích 359 m² cấp cho Lâm Văn T1; số CD 858619, diện tích 343,1 m² cấp cho Lâm Văn K và số CD 858620, diện tích 670,9 m² cấp cho Lâm Mỹ N2.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn giải quyết yêu cầu độc lập của Ngân hàng Thương mại Cổ phần B đối với Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên H11; về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, sao lục hồ sơ; về án phí dân sự sơ thẩm; về trách nhiệm do chậm thi hành án; về nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 24/5/2019, nguyên đơn ông Huỳnh Kim H có đơn kháng cáo.

Ngày 24/5/2019, bị đơn ông Lâm Minh Q, bà Huỳnh Thị C nộp đơn kháng cáo (ngày 10/6/2019 mới nộp biên lai thu tiền tạm ứng án phí phúc thẩm).

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị Kim N có đơn kháng cáo ngày 03/6/2019; Huỳnh Tiểu M và Huỳnh Kim H5 có đơn kháng cáo ngày 06/6/2019; Huỳnh Thị T có đơn kháng cáo ngày 11/6/2019; Huỳnh Văn S có đơn kháng cáo ngày 25/6/2019.

Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 149/2020/DS-PT ngày 08/6/2020 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

1. Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Huỳnh Kim H và không chấp nhận kháng cáo của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Huỳnh Thị T, Huỳnh Tiểu M, Huỳnh Văn S, Huỳnh Thị Kim N và Huỳnh Kim H5; Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn Huỳnh Thị C và Lâm Minh Q; Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2019/DS-ST ngày 13/5/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu như sau:

1.1. Chấp nhận một phần khởi kiện của ông Huỳnh Kim H và yêu cầu độc lập của Huỳnh Thị T, Huỳnh Tiểu M, Huỳnh Văn S, Huỳnh Thị Kim N và Huỳnh Kim H5 về việc chia thừa kế theo pháp luật đối với số tiền nhà nước bồi thường lúa, gạo, tấm, cám, bao bì 3.360.000.000 đồng theo Quyết định số 4133/QĐ-UBND ngày 29/12/2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh B. Xác định số tiền này là di sản của cụ Huỳnh Văn T2 và Trần Thị G, chia đều thành 7 phần bằng nhau, mỗi kỹ phần là 480.000.000 đồng (*Bốn trăm tám mươi triệu đồng*).

1.1.1. Buộc bà Huỳnh Thị C và ông Lâm Minh Q phải hoàn trả kỹ phần thừa kế cho các ông bà: Huỳnh Kim H, Huỳnh Thị T, Huỳnh Tiểu M, Huỳnh Văn S, Huỳnh Thị Kim N và Huỳnh Kim H5 mỗi người 480.000.000 đồng/người (*Bốn trăm tám mươi triệu đồng*).

1.1.2. Bà Huỳnh Thị C được hưởng một kỹ phần là 480.000.000 đồng (*Bốn trăm tám mươi triệu đồng*).

1.2. Không chấp nhận khởi kiện của ông Huỳnh Kim H và yêu cầu độc lập của Huỳnh Thị T, Huỳnh Tiểu M, Huỳnh Văn S, Huỳnh Thị Kim N và Huỳnh Kim H5 về việc chia thừa kế theo pháp luật đối với diện tích 6.280,3 m² đất đã cấp các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Huỳnh Thị C số BA 192493, BA 192494 và BA 192495 cùng ngày 05/01/2010 và các số tiền bồi thường về đất tổng cộng 17.507.473.350 đồng (*Mười bảy tỷ năm trăm lẻ bảy triệu bốn trăm bảy mươi ba ngàn ba trăm năm mươi đồng*) - (gồm: Quyết định số 10/QĐ-UBND ngày 10/01/2018 của Ủy ban nhân dân thành phố B bồi thường 1.883,62 m² số tiền 7.013.638.350 đồng; Quyết định số 44/QĐ-UBND ngày 24/01/2017 của Ủy ban nhân dân thành phố B với số tiền 3.913.335.000 đồng và Quyết định số 1840/QĐ-UBND ngày 28/6/2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh B với số tiền 6.580.500.000 đồng (*Quyết định số 63/QĐ-UBND ngày*

04/5/2007, số tiền 1.074.638.920 đồng và Quyết định số 340/QĐ-UBND ngày 04/7/2011, số tiền 5.505.861.080 đồng).

1.2.1. Bà Huỳnh Thị C và ông Lâm Minh Q được quyền sử dụng hợp pháp đối với diện tích đất bà Huỳnh Thị C đang đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 192493, số vào sổ CH 00015, diện tích 2.372,6 m² và số BA 192495, số vào sổ CH 00017, diện tích 605,2 m² do Ủy ban nhân dân thị xã (nay là thành phố) Bạc Liêu cấp cùng ngày 05/01/2010.

1.2.2. Các anh chị: Lâm Mỹ H6, Lâm Văn L, Lâm Mỹ H7, Lâm Văn H8, Lâm Mỹ A, Lâm Văn T1, Lâm Văn K và Lâm Mỹ N2 được quyền sử dụng hợp pháp đối với phần đất đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho mình, cụ thể: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CD 858613, diện tích 375,8 m² cấp cho Lâm Mỹ H6; số CD 858614, diện tích 364,8 m² cấp cho Lâm Văn L; số CD 858615, diện tích 353,8 m² cấp cho Lâm Mỹ H7; số CD 858616, diện tích 436,9 m² cấp cho Lâm Văn H8; số CD 858617, diện tích 398,2 m² cấp cho Lâm Mỹ A; số CD 858618 (được cấp đổi lại số CO 549316), diện tích 359 m² cấp cho Lâm Văn T1; số CD 858619, diện tích 343,1 m² cấp cho Lâm Văn K và số CD 858620, diện tích 670,9 m² cấp cho Lâm Mỹ N2.

1.2.3. Không chấp nhận khởi kiện của ông Huỳnh Kim H yêu cầu hủy các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp số CD 858613, diện tích 375,8 m² cấp cho Lâm Mỹ H6; số CD 858614, diện tích 364,8 m² cấp cho Lâm Văn L; số CD 858615, diện tích 353,8 m² cấp cho Lâm Mỹ H7; số CD 858616, diện tích 436,9 m² cấp cho Lâm Văn H8; số CD 858617, diện tích 398,2 m² cấp cho Lâm Mỹ A; số CD 858618 (được cấp đổi lại số CO 549316), diện tích 359 m² cấp cho Lâm Văn T1; số CD 858619, diện tích 343,1 m² cấp cho Lâm Văn K, số CD 858620, diện tích 670,9 m² cấp cho Lâm Mỹ N2 và các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân thị xã (nay là thành phố) Bạc Liêu cấp cho bà Huỳnh Thị C số BA 192493, số vào sổ CH 00015, diện tích 2.372,6 m² và số BA 192495, số vào sổ CH 00017, diện tích 605,2 m² cùng ngày 05/01/2010.

1.2.4. Bà Huỳnh Thị C và ông Lâm Minh Q được nhận và sở hữu số tiền theo Quyết định số 10/QĐ-UBND ngày 10/01/2018 của Ủy ban nhân dân thành phố B đang gửi tại Kho bạc Nhà nước tỉnh B 7.013.638.350 đồng (*Bảy tỷ không trăm mười ba triệu sáu trăm ba mươi tám ba trăm năm mươi đồng*).

2. Các ông bà: Huỳnh Kim H, Huỳnh Thị T, Huỳnh Tiểu M, Huỳnh Văn S, Huỳnh Thị Kim N, Huỳnh Kim H5, Huỳnh Thị C và Lâm Minh Q được miễn án phí dân sự sơ thẩm và không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

2.1. Hoàn trả cho ông Huỳnh Kim H tiền tạm ứng án phí đã nộp tổng cộng 62.590.000 đồng (*Sáu mươi hai triệu năm trăm chín mươi ngàn đồng*) theo các

biên lai số 008103 ngày 20/02/2013 và số 0010092 ngày 30/5/2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bạc Liêu.

2.2. Hoàn trả cho mỗi ông bà: Huỳnh Thị T, Huỳnh Tiểu M, Huỳnh Văn S, Huỳnh Thị Kim N, Huỳnh Kim H5 tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*)/người theo các biên lai thu số 0010168 ngày 26/6/2019, số 001051 ngày 13/6/2019, số 0010183 ngày 16/7/2019, số 0010100 ngày 13/6/2019 và số 0010166 ngày 21/6/2019 đều của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bạc Liêu.

3. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm về việc giải quyết yêu cầu độc lập của Ngân hàng Thương mại Cổ phần B đối với Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên H11 (kể cả phần án phí dân sự sơ thẩm đối với Công ty hai đơn vị này); về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, sao lục hồ sơ; về trách nhiệm do chậm thi hành án; về nghĩa vụ thi hành án không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Tại Quyết định giám đốc thẩm số 18/2023/DS-GĐT ngày 18/7/2023 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao đã hủy Bản án dân sự phúc thẩm số 149/2020/DS-PT ngày 08/6/2020; chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết lại vụ án theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn Huỳnh Kim H là các ông, bà Huỳnh Thanh H1, Huỳnh Thanh H2, Huỳnh Thị Hoàng O và Huỳnh Thanh H3 vắng mặt.

Bị đơn là bà Huỳnh Thị C và ông Lâm Minh Q (có ông Lâm Văn L đại diện theo ủy quyền) vẫn giữ kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn do nguồn gốc tài sản tranh chấp do ông Q bà C góp vốn với ông T2 (cha bà C) để tạo lập, trong đó bị đơn góp 30%. Năm 1975, nhà nước tiếp nhận tài sản này đến năm 1996 nhà nước trả lại 1 phần tài sản nhưng chưa đủ 30% giá trị tài sản bị đơn đã góp vào.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là các ông, bà Huỳnh Thị T, Huỳnh Tiểu M, Huỳnh Văn S, Huỳnh Thị Kim N và Huỳnh Kim H5 (đều do ông Nguyễn Hòa N1 đại diện theo ủy quyền) vẫn giữ kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, chia hết toàn bộ 6280,3m² đất, tiền bồi thường giá trị quyền sử dụng đất đã thu hồi và tiền bồi thường lúa gạo cho 7 người con, hủy Tờ quỹ quyền ngày 06/4/1976 và Tờ ủy quyền ngày 01/9/1979 do giả mạo; hủy 3 GCNQSDĐ do bà C ông Q đứng tên và 08 GCNQSDĐ do những người con của ông Q bà C đứng tên; hủy các quyết định cá biệt của

UBND thành phố B liên quan đến việc giao đất và bồi thường đất và cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhận hiện vật.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Luật sư Lê Hải L1 phát biểu ý kiến: Nguồn gốc nhà máy X (nay là Toàn Thắng 5) do cụ T2 hùn 70%, ông Q và bà C hùn 30% để tạo lập. Năm 1993, nhà nước đã trả 30% cổ phần cho bà C và bà C đã nhận đủ, năm 1996 nhà nước yêu cầu bà C nộp lại 30% này để trả lại nhà máy nhưng chưa thực hiện được do chia tách tỉnh. Như vậy, khi nhà nước trả lại 8496m² là tài sản của cụ G và cụ T2, không có 30% cổ phần của cụ C. Về tiền bồi thường đất và tài sản trên đất, bà C nhận hơn 20 tỷ đồng, nên số tiền này cũng là di sản của cụ G cụ T2. Bản án sơ thẩm khấu trừ 30% cổ phần của bị đơn vào số tiền chia thừa kế là chưa chính xác. Giấy ủy quyền ngày 06/4/1976 và 01/9/1976 không có bản gốc, không biết người viết, không có thời hạn ủy quyền, người làm chứng và không có xác nhận của chính quyền địa phương nên không có giá trị. Về nội dung ủy quyền, ý chí của người ủy quyền chỉ giao quyền làm chủ mà không nêu rõ là có quyền định đoạt hay không và định đoạt toàn bộ hay chỉ 70% tài sản. Pháp luật cũng không quy định được chuyển quyền sở hữu bằng giấy ủy quyền. Những người liên quan có đủ điều kiện được nhận nhà gắn liền với đất theo quy định của pháp luật Việt Nam. Sau khi nhận tài sản, bà C đã tách thửa chuyển nhượng cho các con khi đất đang tranh chấp là không đúng, nên đề nghị hủy các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do các con bị đơn đứng tên. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của các ông, bà Huỳnh Thị T, Huỳnh Tiểu M, Huỳnh Văn S, Huỳnh Thị Kim N và Huỳnh Kim H5.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là các ông, bà Lâm Mỹ A, Lâm Văn K và Lâm Văn H8 thống nhất yêu cầu Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử phúc thẩm đã tuân theo đúng các quy định của pháp luật Tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng thực hiện đầy đủ các quyền, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn Huỳnh Kim H là các ông, bà Huỳnh Thanh H1, Huỳnh Thanh H2, Huỳnh Thị Hoàng O và Huỳnh Thanh H3 đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, tuy nhiên do đây là vụ án chia thừa kế, nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có kháng cáo giống nhau nên để đảm bảo quyền lợi của đương sự, đề nghị Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn, không chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, sửa một phần bản án sơ thẩm về cách chia thừa kế theo hướng chia cho bà C thêm 02 kỷ phần do có công sức quản lý tài sản và công sức đi khiếu nại đòi

đất, tổng công chia cho bà C 03 kỷ phần. Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm đề nghị giữ nguyên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh nhận được trích lục khai tử (bản sao) số 171/TLKT ngày 24/3/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu thể hiện: Ông Huỳnh Kim H, sinh ngày 15/10/1950; Quốc tịch: Hoa Kỳ; Hộ chiếu số 566241521 cấp ngày 07/6/2018 tại Hoa Kỳ đã chết ngày 22/3/2023.

Tại Tờ khai quan hệ gia đình và yêu cầu của bà Huỳnh Thị Kim N, được T4 tại Hoa Kỳ chứng thực ngày 11/7/2023 thể hiện ông H có vợ là bà Trần Thị Tuyết H10 (đã ly hôn từ năm 1986) và 04 người con gồm các, ông Huỳnh Thanh H1, Huỳnh Thanh H2, Huỳnh Thị Hoàng O và Huỳnh Thanh H3, có địa chỉ cư trú tại Hoa Kỳ.

Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã thực hiện ủy thác tư pháp đối với những người kế thừa quyền nghĩa vụ tố tụng của ông H (theo địa chỉ do bà N cung cấp trong văn bản nêu trên) nhưng kết quả ủy thác thể hiện: Không có người nhận tại địa chỉ yêu cầu. Ngoài ra, Tòa án cấp phúc thẩm đã thực hiện việc xác minh người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông H tại địa chỉ cư trú của ông H ở Việt Nam, nhưng theo văn bản số 92/UBND-TH ngày 14/3/2025 của Ủy ban nhân dân Phường A1 và văn bản số 48/UBND-TH ngày 09/4/2025 của Ủy ban nhân dân Phường G1, thành phố B thì không tìm thấy dữ liệu đăng ký khai sinh, kết hôn, khai tử hay đăng ký nhận con nuôi của ông Huỳnh Kim H, sinh năm 1950.

Xét thấy, Tòa án đã thực hiện việc xác minh, tổng đạt hợp lệ đối với những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn theo quy định pháp luật nhưng tại phiên tòa phúc thẩm, những người nêu trên vẫn vắng mặt. Do đây là vụ án chia di sản thừa kế. Ông H và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có cùng nội dung và yêu cầu kháng cáo nên để đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của các đương sự, Tòa án không đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của nguyên đơn mà tiến hành giải quyết chia di sản thừa kế theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ủy ban nhân dân tỉnh B và Ủy ban nhân dân thành phố B, xin vắng mặt; bà Lâm Mỹ H6, Lâm Mỹ H7, Lâm Mỹ N2, Dương Thị P, Lâm Văn T1 (T), Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên H11 và Ngân hàng Thương mại Cổ phần B, vắng mặt. Căn cứ Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự này.

[2] Hồ sơ vụ án thể hiện, cụ Huỳnh Văn T2 và cụ Trần Thị G có 07 người con gồm: Huỳnh Kim H, Huỳnh Thị C, Huỳnh Thị T, Huỳnh Tiểu M, Huỳnh Văn S, Huỳnh Thị Kim N và Huỳnh Kim H5. Cụ Huỳnh Văn T2 chết ngày 03/8/1997, cụ Trần Thị G chết ngày 02/4/1996. Cả hai cụ đều không có di chúc.

Phần đất có diện tích 12.551m² là do cụ T2 và cụ G tạo lập vào năm 1965. Năm 1969 cụ T2 được chính quyền chế độ cũ cho phép xây dựng nhà máy X. Sau khi trừ đi phần diện tích đất mà Nhà nước đã thu hồi và bồi thường thì phần diện tích còn lại thực tế là 6.280,3m². Vậy, tài sản tranh chấp gồm phần đất có diện tích 6.280,3m² theo 03 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 192493, BA 192494 và BA 192495 cùng ngày 05/01/2010 do Ủy ban nhân dân thành phố B đã cấp cho bà Huỳnh Thị C và tổng số tiền bồi thường theo 04 quyết định là 20.013.638.350 đồng, trong đó bà C đã nhận 13.859.835.000 đồng, còn lại 7.013.638.350 đồng kho bạc nhà nước tỉnh Bạc Liêu đang quản lý.

[3] Bà Huỳnh Thị C, ông Lâm Minh Q thừa nhận nguồn gốc tài sản đang tranh chấp là của cụ T2 và cụ G tạo lập, nhưng bị đơn cho rằng năm 1976 trước khi đi nước ngoài định cư, cụ T2 đã ủy quyền 70% cổ phần nhà máy X (nay là T) cho ông Q, bà C được toàn quyền làm chủ; phần còn lại 30% là của bị đơn thể hiện tại “Tờ quỹ quyền” ngày 06/4/1976 và “Tờ ủy quyền” ngày 01/9/1976.

[4] Xét, Tại “Tờ ủy quyền” ngày 01/9/1976 (bản photo), có nội dung: “Nay tôi làm tờ ủy quyền này cho Lâm Minh Q, Huỳnh Thị C được trọn quyền quyết định đến nhà máy X. Tôi có giao tất cả giấy tờ, nhà máy và bằng khoán đất cho Lâm Minh Q và Huỳnh Thị C”. Tại biên bản lấy lời khai ngày 21/6/2018 và tại phiên tòa sơ thẩm, ông H thừa nhận “Tờ ủy quyền” ngày 01/9/1976 do chính ông viết cho cụ T2 ký.

“Tờ quỹ quyền” ngày 06/4/1976 (bản photo), có nội dung: “Tài sản nhà máy và 02 lô đất nói trên có con gái tôi tên Huỳnh Thị C, rể là Lâm Minh Q bỏ vốn chung 30%, còn lại 70% của tôi. Nay tôi già yếu nên tôi làm tờ ủy quyền lại cho con rể tôi tên Lâm Minh Q được trọn quyền làm chủ tài sản nói trên”. Mặc dù, nguyên đơn không thừa nhận nhưng tại các báo cáo của Ủy ban nhân dân tỉnh B, báo cáo của tổ công tác liên ngành, văn bản kiến nghị của Thanh tra tỉnh Bạc Liêu đều xác định cụ T2 và cụ G có 70% cổ phần; 30% cổ phần còn lại là của ông Q, bà C. Nội dung của “Tờ quỹ quyền” phù hợp với quá trình xác minh của Cơ quan Nhà nước, không mâu thuẫn với nội dung của “Tờ ủy quyền” ngày 01/9/1976.

Do đó, nội dung của “Tờ quỹ quyền” ngày 06/4/1976 và “Tờ ủy quyền” ngày 01/9/1976 là có cơ sở để chấp nhận. Tuy nhiên, tại thời điểm ủy quyền cụ G vẫn còn sống, nhưng trong các văn bản ủy quyền trên chỉ có cụ T2 ký tên. Căn cứ vào nội dung ủy quyền trên thì cụ T2 đã tặng cho vợ chồng bà C, ông Q phần tài sản của cụ T2 trong khối tài sản chung vợ chồng. Cụ G chết không để

lại di chúc nên phần tài sản của cụ G trong khối tài sản chung được xác định là di sản thừa kế của cụ G để lại.

[5] Theo nội dung đơn khởi kiện, ông H yêu cầu được nhận thừa kế bằng quyền sử dụng đất. Tuy nhiên, trong những người thừa kế của cụ G chỉ có bà C hiện đang ở Việt Nam, những người thừa kế còn lại đều sinh sống ở nước ngoài. Mặt khác, theo nội dung nêu tại mục [1] thì hiện nay ông H đã chết và những người thừa kế của ông H cũng đang ở nước ngoài. Bà C và các con của bà C đang là người trực tiếp quản lý, sử dụng phần đất tranh chấp. Do đó, bản án của Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông H, chia thừa kế theo pháp luật đối với di sản của cụ G, buộc bà C có nghĩa vụ thanh toán giá trị kỷ phần thừa kế cho các đồng thừa kế còn lại và được tiếp tục quản lý, sử dụng phần đất là có căn cứ.

[6] Cụ G chết ngày 02/4/1996, cụ T2 chết ngày 03/8/1997. Vậy, hàng thừa kế thứ nhất của cụ G gồm 08 người là cụ T2 và 07 người con. Ngoài ra, khi cụ T2, cụ G và các anh chị em đi định cư ở nước ngoài, bà C là người đòi lại tài sản, giữ gìn quản lý tài sản, hiện nay bà C là người thờ cúng và chăm sóc mồ mả cụ T2, cụ G, nên bà C được hưởng thêm 01 phần thừa kế do có công sức đóng góp. Theo nội dung nêu tại mục [4] thì cụ T2 đã lập giấy ủy quyền tặng cho bà C, ông Q toàn bộ phần tài sản thuộc quyền sở hữu của cụ T2, nên bà C được hưởng thêm phần thừa kế của cụ T2 khi chia di sản của cụ G. Vậy, di sản của cụ G được chia thành 09 phần, trong đó bà C được nhận 03 phần, những người thừa kế còn lại mỗi người được nhận 01 phần.

[7] Quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, do bị đơn không hợp tác nên không thực hiện được việc xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá đối với phần diện tích đất tranh chấp. Căn cứ quy định tại Điều 17 Thông tư liên tịch số 02/2014/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP-BTC ngày 28/3/2014, Tòa án cấp sơ thẩm xác định giá trị phần diện tích đất tranh chấp theo giá ông H nêu ra (căn cứ vào Quyết định số 10/QĐ-UBND ngày 10/01/2018 của Ủy ban nhân dân thành phố B) là 3.835.287 đồng/m². Theo đó, phần đất tranh chấp có giá trị là 6.280,3m² x 3.835.287 đồng/m² = 24.086.752.946 đồng, tiền bồi thường lúa, gạo, tấm, cám, bao bì và bồi thường đất là 20.873.473.350 đồng. Tổng cộng là 44.960.226.296 đồng; trừ đi phần bà C, ông Q có 30% phần hùn là 13.488.067.889 đồng; 35% do cụ T2 tự ký ủy quyền cho bà C, ông Q là 15.736.079.204 đồng. Vậy, giá trị di sản của cụ G còn lại 35% là 15.736.079.204 đồng.

[8] Phân chia di sản thừa kế của cụ G như sau:

- Tổng giá trị tài sản là 15.736.079.204 đồng.
- Giá trị mỗi kỷ phần thừa kế là: 15.736.079.204 đồng : 9 = 1.748.453.245 đồng (làm tròn)

Bà C được nhận 03 kỷ phần tương đương 5.245.359.735 đồng (1.748.453.245 đồng x 3).

Ông H, bà T, bà M, bà N, ông H5, ông S, mỗi người được nhận 01 kỷ phần là 1.748.453.245 đồng (làm tròn).

[9] Mặc dù, quá trình tố tụng Tòa án cấp phúc thẩm đã triệu tập nhưng hàng thừa kế thứ nhất của ông H không có mặt. Theo Tờ khai quan hệ gia đình và yêu cầu, được T4 tại Hoa Kỳ chứng thực ngày 11/7/2023 thì hàng thừa kế thứ hai của ông H thống nhất xác định bà N là người nhận tài sản và quyền lợi của ông H trong vụ án này. Do đó, Hội đồng xét xử giao kỷ phần thừa kế mà ông H được hưởng cho bà N quản lý, bà N có nghĩa vụ giao lại cho hàng thừa kế thứ nhất của ông H khi có yêu cầu.

[10] Do bà C được tiếp tục quản lý sử dụng phần đất tranh chấp nên không cần thiết phải hủy các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp đối với phần đất trên cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là các con của bà C và không ảnh hưởng đến việc giải quyết của bản án của Tòa án cấp sơ thẩm đối với yêu cầu độc lập của Ngân hàng TMCP B. Do đó, Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án của Tòa án cấp sơ thẩm về nội dung này.

[11] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo bị đơn; không chấp nhận kháng cáo của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; sửa một phần bản án của Tòa án cấp sơ thẩm theo hướng phân tích trên như đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa là có căn cứ chấp nhận.

[12] Chi phí tố tụng phúc thẩm: những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là các ông, bà Huỳnh Thị T, Huỳnh Tiểu M, Huỳnh Văn S, Huỳnh Thị Kim N, Huỳnh Kim H5 phải chịu chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài và đã nộp đủ.

[13] Án phí:

[13.1] Án phí dân sự sơ thẩm: Các ông bà Huỳnh Kim H, Huỳnh Thị T, Huỳnh Tiểu M, Huỳnh Văn S, Huỳnh Thị Kim N, Huỳnh Kim H5, Huỳnh Thị C và Lâm Minh Q đều là người cao tuổi nên được miễn.

[13.2] Án phí dân sự phúc thẩm: các ông, bà Huỳnh Kim H, Huỳnh Thị T, Huỳnh Tiểu M, Huỳnh Văn S, Huỳnh Thị Kim N, Huỳnh Kim H5, Huỳnh Thị C và Lâm Minh Q không phải chịu.

[14] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm về việc giải quyết yêu cầu độc lập của Ngân hàng Thương mại Cổ phần B đối với Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên H11 (kể cả phần án phí dân sự sơ thẩm đối với hai đơn vị này); về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, sao lục hồ sơ không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 296, khoản 1, 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự,

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn là ông Huỳnh Kim H và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là các ông, bà Huỳnh Thị T, Huỳnh Tiểu M, Huỳnh Văn S, Huỳnh Thị Kim N và Huỳnh Kim H5; Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo bị đơn Huỳnh Thị C và Lâm Minh Q. Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2019/DS-ST ngày 13/5/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

Áp dụng khoản 1 Điều 623, khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015; Các điều 142, 143, 144, 674, 675 và 676 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Kim H (nay là người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông H) về việc tranh chấp về thừa kế tài sản.

1.1. Xác định $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản tranh chấp (gồm giá trị phần đất có giá trị là $6.280,3m^2 \times 3.835.287 \text{ đồng}/m^2 = 24.086.752.946 \text{ đồng}$ + tiền bồi thường lúa, gạo, tằm, cám, bao bì và bồi thường đất là $20.873.473.350 \text{ đồng}$) là di sản thừa kế của cụ Trần Thị G có giá trị là $15.736.079.204 \text{ đồng}$.

Bà Huỳnh Thị C có nghĩa vụ thanh toán giá trị kỷ phần thừa kế cho các ông, bà Huỳnh Kim H, Huỳnh Thị T, Huỳnh Tiểu M, Huỳnh Văn S, Huỳnh Thị Kim N và Huỳnh Kim H5 như sau:

- Các ông, bà Huỳnh Thị T, Huỳnh Tiểu M, Huỳnh Văn S và Huỳnh Kim H5, mỗi người được nhận số tiền $1.748.453.245 \text{ đồng}$ (Một tỷ, bảy trăm bốn mươi tám triệu, bốn trăm năm mươi ba nghìn, hai trăm bốn mươi lăm đồng).

- Bà Huỳnh Thị Kim N được nhận số tiền là $3.496.906.490 \text{ đồng}$ (Ba tỷ, bốn trăm chín mươi sáu triệu, chín trăm lẻ sáu nghìn, bốn trăm chín mươi đồng), bao gồm giá trị kỷ phần thừa kế bà N và giá trị kỷ phần thừa kế của ông H.

Giao kỷ phần thừa kế của ông Huỳnh Kim H được hưởng (có giá trị là $1.748.453.245 \text{ đồng}$) cho bà Huỳnh Thị Kim N quản lý. Bà N3 có nghĩa vụ giao trả lại cho hàng thừa kế thứ nhất của ông H (khi có yêu cầu).

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không thực hiện nghĩa vụ thi hành

án thì bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

1.2. Bà Huỳnh Thị C và ông Lâm Minh Q tiếp tục quản lý, sử dụng diện tích đất bà Huỳnh Thị C đang đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 192493, sổ vào sổ CH 00015, diện tích 2.372,6m² và số BA 192495, sổ vào sổ CH 00017, diện tích 605,2m² do Ủy ban nhân dân thị xã (nay là thành phố) Bạc Liêu cấp cùng ngày 05/01/2010.

1.3. Các con của bà C, ông Q tiếp tục quản lý, sử dụng phần đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, cụ thể: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CD 858613, diện tích 375,8m² cấp cho Lâm Mỹ H6; số CD 858614, diện tích 364,8m² cấp cho Lâm Văn L; số CD 858615, diện tích 353,8 m² cấp cho Lâm Mỹ H7; số CD 858616, diện tích 436,9m² cấp cho Lâm Văn H8; số CD 858617, diện tích 398,2m² cấp cho Lâm Mỹ A; số CD 858618 (được cấp đổi lại số CO 549316), diện tích 359m² cấp cho Lâm Văn T1; số CD 858619, diện tích 343,1m² cấp cho Lâm Văn K và số CD 858620, diện tích 670,9m² cấp cho Lâm Mỹ N2.

1.4. Sau khi hoàn thành nghĩa vụ thanh toán giá trị kỷ phần thừa kế, bà Huỳnh Thị C được quyền liên hệ cơ quan có thẩm quyền để nhận số tiền 7.013.638.350 đồng theo Quyết định số 10/QĐ-UBND ngày 10/01/2008 của Ủy ban nhân dân thành phố B bồi thường khi thu hồi đất (hiện số tiền này đang do Kho bạc Nhà nước tỉnh Bạc Liêu quản lý).

2. Không chấp nhận yêu cầu của ông Huỳnh Kim H về việc hủy các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CD 858613, diện tích 375,8 m² cấp cho Lâm Mỹ H6; số CD 858614, diện tích 364,8 m² cấp cho Lâm Văn L; số CD 858615, diện tích 353,8 m² cấp cho Lâm Mỹ H7; số CD 858616, diện tích 436,9 m² cấp cho Lâm Văn H8; số CD 858617, diện tích 398,2 m² cấp cho Lâm Mỹ A; số CD 858618 (được cấp đổi lại số CO 549316), diện tích 359 m² cấp cho Lâm Văn T1; số CD 858619, diện tích 343,1 m² cấp cho Lâm Văn K và số CD 858620, diện tích 670,9 m² cấp cho Lâm Mỹ N2.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

Các ông bà: Huỳnh Kim H, Huỳnh Thị T, Huỳnh Tiểu M, Huỳnh Văn S, Huỳnh Thị Kim N, Huỳnh Kim H5, Huỳnh Thị C và Lâm Minh Q được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho ông Huỳnh Kim H (nay là người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông H) tiền tạm ứng án phí đã nộp tổng cộng 62.590.000 đồng (*Sáu mươi hai triệu năm trăm chín mươi ngàn đồng*) theo các biên lai số 008103 ngày 20/02/2013 và số 0010092 ngày 30/5/2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bạc Liêu.

4. Án phí dân sự phúc thẩm:

Các ông, bà Huỳnh Kim H, Huỳnh Thị T, Huỳnh Tiểu M, Huỳnh Văn S, Huỳnh Thị Kim N, Huỳnh Kim H5, Huỳnh Thị C và Lâm Minh Q không phải chịu.

Hoàn trả cho các ông, bà Huỳnh Thị T, Huỳnh Tiểu M, Huỳnh Văn S, Huỳnh Thị Kim N, Huỳnh Kim H5 mỗi người 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo các biên lai thu số 0010168 ngày 26/6/2019, số 001051 ngày 13/6/2019, số 0010183 ngày 16/7/2019, số 0010100 ngày 13/6/2019 và số 0010166 ngày 21/6/2019 cùng của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bạc Liêu.

5. Chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài: những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là các ông, bà Huỳnh Thị T, Huỳnh Tiểu M, Huỳnh Văn S, Huỳnh Thị Kim N, Huỳnh Kim H5 phải chịu nhưng được khấu trừ số tiền 800.000 (Tám trăm nghìn) đồng đã nộp (do ông Nguyễn Hòa N1 nộp thay) theo các biên lai thu số 0037747, 0037748, 0037749 và 0037750 cùng ngày 26/8/2024 của Cục thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh và số tiền 380 USD nộp vào tài khoản ngân hàng J; ghi nhận đã thực hiện xong.

6. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm về việc giải quyết yêu cầu độc lập của Ngân hàng Thương mại Cổ phần B đối với Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên H11 (kể cả phần án phí dân sự sơ thẩm đối với Công ty hai đơn vị này); về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, sao lục hồ sơ không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP . HCM;
- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND tỉnh Bạc Liêu;
- Cục THADS tỉnh Bạc Liêu;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Nhựt Bình

